TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2022/HNGĐ – ST Ngày: 15 -6-2022 V/v: *"Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Hà Đức Trưởng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Anh Xuân Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:*** Ông Triệu Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về " *Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1991; (có mặt)
  Nơi ĐKNKTT: thôn Tr, xã Đ, huyện Gi, tỉnh Bắc Ninh.
  Chỗ ở hiện nay: Trung cư C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.
- Bị đơn: **Anh Trần Thanh S**, sinh năm 1989; (có mặt)
  Nơi thường trú: xóm M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh S về việc nuôi con chung khi ly hôn là anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, sinh ngày 25/4/2015, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không yêu cầu.

Thời điểm ly hôn, chị làm giáo viên tại Trường trung học phổ thông Th, huyện T, chị

mong muốn xin chuyển về quê ở tỉnh Bắc Ninh. Do lo lắng công việc chưa ổn định, nên chị tự nguyện để cho anh S trực tiếp nuôi con chung. Đến nay, chị thấy rằng không ai chăm sóc con tốt hơn người mẹ. Đồng thời, chị đã có công việc ổn định, là giáo viên nên có điều kiện và kỹ năng nuôi con nên chị muốn được trực tiếp nuôi cháu A.

Thu nhập theo lương hiện nay của chị trung bình là 8.000.000đ đến 9.000.000đ. Chị làm giáo viên tại Trường Cao đẳng tại huyện Gi, Thành phố Hà Nội. Chị đang ở nhờ tại nhà người em họ là Bùi Thị H tại Trung cư C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Căn hộ trung cư mà chị đã đặt mua, hiện nay chị đang cho thuê. Ngoài thu nhập trên, hiện nay chị đang dạy thêm và có thu nhập ngoài lương trung bình 8.000.000đ đến 10.000.000đ/1 tháng.

Trong thời gian anh S trực tiếp nuôi cháu A, khi chị trao đổi qua điện thoại là muốn đón cháu A về chơi với chị, thì anh S nói khó khăn và không muốn cho chị đón cháu.

Vì các lý do trên, nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh S. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, sinh ngày 25/4/2015, chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2]. Phía bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trần Thanh S trình bày:

Anh S không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và các lý do mà chị Nguyễn Thị Thu H đưa ra, đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bởi các lý do như sau:

Thứ nhất, tại thời điểm anh và chị H ly hôn cháu A mới được hơn 03 tuổi, chị H đã tự nguyện thỏa thuận để cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Bản thân anh, từ khi ly hôn và trực tiếp nuôi con anh đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người cha, nuôi dạy con đến nay cháu đã học hết lớp 1. Anh hiện nay ở chung với bố mẹ, nên được bố mẹ hỗ trợ rất nhiều trong việc chăm sóc, nuôi dạy cháu A. Cháu hiện nay là con ngoan, trò giỏi hoàn thành tốt các nội dung học tập của trường và còn tham gia thi Trạng nguyên Tiếng việt do Nhà trường tổ chức.

Thứ hai, chị H cho rằng tại thời điểm ly hôn chị H không có điều kiện nuôi con anh không đồng ý. Vì khi đó, chị H đang làm giáo viên thuộc biên chế chính thức, có thu nhập ổn định tại Trường trung học phổ thông Th, và ở tại nhà tập thể của Trường.

Thứ ba, chị H cho rằng hiện nay chị H có điều kiện đủ để nuôi con, và có điều kiện nuôi con hơn anhk, anh không đồng ý. Vì hiện nay, theo anh được biết, chị H ở thành phố Bắc Ninh, đi làm tại huyện Gi, Thành phố Hà Nội, thường xuyên đi dạy thêm, lại không ở cùng gia đình nên việc chăm sóc con sẽ gặp khó khăn.

Thứ tư, chị cho rằng anh hạn chế thăm, đón con chung anh không đồng ý. Vì, từ khi anh và chị H ly hôn, chị H không đến thăm con. Chỉ có 01 lần cháu bị gãy chân thì chị đến thăm. Còn lại, chị H chỉ yêu cầu đón con. Anh đã cho chị H đón cháu nhiều lần. Trong

thời gian gần đây, chị H xin đón con anh không đồng ý vì tình hình dịch bệnh Covid - 19 phức tạp, nên anh không cho đón. Nay dịch bệnh đã ổn định, anh đã cho chị H đón con đợt nghỉ lễ 30/4, 01/5 và hiện cháu A nghỉ hè, chị H đã đón cháu.

[3]. Lời trình bày của con chung chưa thành niên: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cháu A trình bày nguyện vọng mong muốn được tiếp tục ở với bố (anh Trần Thanh S).

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều: 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 3 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Trần Thanh S về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, sinh ngày 25/4/2015, kể từ tháng 7/2018 đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh S không yêu cầu. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm non cháu Anh mà không ai được cản trở. Chị H phải nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí thay đổi nuôi con sau khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về pháp luật tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện, đơn bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với anh Trần Thanh S, thường trú tại khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[2] **Về pháp luật nội dung:**

Chị H cho rằng, tại thời điểm chị ly hôn anh S thì chị chưa có điều kiện nuôi con, nên chị đã để cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng con chung; nay chị đã có đủ điều kiện nuôi con, và chị lại là giáo viên nên có kỹ năng dạy dỗ con nên chị đề nghị được thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh S, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Chị H không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh S, không đồng ý với yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và lý do mà chị H đưa ra.

Xét yêu cầu của chị H và anh S thấy rằng:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2018, thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã công nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con chung khi ly hôn của chị H và anh S là: anh Trần Thanh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, sinh ngày 25/4/2015 đến khi thành niên, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh S không yêu cầu. Chị H và anh S đều xác định sự thỏa thuận này hoàn toàn là sự tự nguyện của anh chị, không bị ai ép buộc.

Nay, chị H cho rằng, khi ly hôn chị chưa có đủ điều kiện và sự ổn định để nuôi con và hiện tại chị đã ổn định cuộc sống và có điều kiện nuôi, dạy con nên chị yêu cầu thay đổi, xong anh S không đồng ý xét thấy: Tại thời điểm chị H và anh S ly hôn, cháu A được 03 tuổi 02 tháng, xong chị H đã yên tâm về điều kiện nuôi con và khả năng chăm sóc con của anh S nên đã để cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh S được gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương xác nhận có điều kiện về chỗ ở, có thu nhập để nuôi dưỡng, chăm sóc con; hiện nay anh S vẫn chưa lập gia đình mới, có điều kiện về thời gian để cùng với trường học dạy dỗ cháu A. Tại bản xác nhận ngày 12/4/2022 của Trường tiểu học M nơi cháu Anh đang theo học, Giáo viên chủ nhiệm đã cung cấp: Cháu A học lớp 1A tại trường, hoàn thành tốt các nội dung học tập (bút lục 57, 58).

Như vậy, khi chị H và anh S ly hôn, chị H đã khẳng định anh S có điều kiện dạy dỗ và nuôi dưỡng con chung nên đã tự nguyện để cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu A. Đồng thời, quá trình nuôi con, anh S đã thể hiện bản thân có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, dạy dỗ cháu A. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh anh S không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp nuôi con và của cha mẹ không trực tiếp nuôi con, xét thấy: Chị H cho rằng khi trao đổi qua điện thoại anh S có lời nói gây khó khăn cho chị trong việc đón con chung; xong chị H cũng thừa nhận, khi chị đến nhà thăm, đón cháu A anh S và gia đình không ngăn cấm, cản trở quyền và nghĩa vụ của chị đến mức chị phải báo cáo chính quyền địa phương. Anh S cho rằng, tại thời điểm tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp nên anh có hạn chế chị H trong việc đón cháu Anh, tuy nhiên sau đó, khi tình hình ổn định anh đã để cho chị H đón cháu A; anh không hạn chế quyền thăm nom con chung của chị H. Chị H cũng thừa nhận việc này. Do đó, anh S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Cụ thể tại Điều 82 quy định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau:

"1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó."

Điều 83 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau:

"1. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

2. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con."

Về điều kiện nuôi con, chị H cho rằng bản thân hiện nay làm giáo viên có điều kiện về thu nhập và chỗ ở đảm bảo nuôi con tốt hơn anh S nên đề nghị được thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh S không đồng ý với yêu cầu của chị H. Anh S cung cấp xác nhận của gia đình và chính quyền địa phương về việc hiện nay, anh đang kinh doanh cửa hàng vật liệu xây dựng và ở cùng bố mẹ, có thu nhập và chỗ ở ổn định đã và đang đủ điều kiện để nuôi con.

Đồng thời, để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của cha, mẹ, con chưa thành niên, ngày 26/4/2022 Tòa án nhân dân huyện T đã tổ chức buổi làm việc tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương nơi anh S và cháu A cư trú về việc tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn giữa chị H và anh S. Chính quyền địa phương gồm đại diện khu dân cư và UBND xã đều thống nhất ý kiến: Anh S nuôi cháu A phát triển tốt, đảm bảo mọi quyền lợi của trẻ em. Địa phương không nhận được đơn, thư hay có phản ánh gì về trách nhiệm nuôi con của anh S. Đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho anh S trực tiếp nuôi cháu A (bút lục 61).

Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, cháu A trình bày nguyện vọng là muốn ở với anh S (bút lục 63).

Tại điểm a, b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình đã quy định:

"2. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con."

Như đã nhận định ở trên, đối chiếu với quy định của pháp luật thì thấy: chị H có nguyện vọng được thay đổi người trực tiếp nuôi con nhưng anh S không đồng ý. Anh Trần Thanh S có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị H đối với anh S, giữ nguyên Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ là phù hợp Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Do yêu cầu của chị H không được chấp nhận nên phải chịu án phí thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

***- Về quyền kháng cáo*:** Chị H và anh S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 27 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Trần Thanh S về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 125/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, sinh ngày 25/4/2015, kể từ tháng 7/2018 đến khi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do anh S không yêu cầu. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm non cháu Anh mà không ai được cản trở.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) án phí thay đổi nuôi con sau khi ly hôn. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số: AA/2020/0007404 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã M;*
- *Lưu HS + VP.*